

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRÍ TUỆ VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRÍ TUỆ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TRI TUE VIET TRADING DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0108918973

3. Ngày thành lập: 26/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô N6-6 khu Sóng Hoàng, ngõ 13 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y Tế: Cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng(Điều 4, Nghị định 155/NĐ-CP)	1079
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	In ấn	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sao chép bản ghi các loại	1820
7.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
8.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
14.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
16.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420

17.	Đúc sắt, thép	2431
18.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
24.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương)	2599
25.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
26.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
27.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
28.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
29.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
30.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
31.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất súng cầm tay hàn sắt; - Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.	2790
32.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
33.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
37.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
38.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
39.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
40.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

41.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện	3314
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
44.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
45.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
46.	Xây dựng nhà để ở	4101
47.	Xây dựng nhà không để ở	4102
48.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
50.	Xây dựng công trình điện	4221
51.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: - Xây lắp cột BTS, IBS và các thiết bị liên quan (Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông); - Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan: + Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông. + Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ. - Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.	4223
53.	Xây dựng công trình thủy	4291
54.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
55.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
57.	Phá dỡ	4311
58.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
64.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
65.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
66.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
68.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
70.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4610
71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
75.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

77.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
78.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà Nước cấm)	4690
79.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
80.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
85.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
86.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
87.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
88.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch và mục đích khác;	4933
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
90.	Lập trình máy vi tính	6201
91.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
92.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

93.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; (Trừ hoạt động ủy thác về đầu tư, kinh doanh tài chính, chứng khoán)	6619
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
96.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
97.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
98.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
99.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
100.	Cho thuê xe có động cơ	7710
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
102.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các trung tâm)	7810
103.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
104.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
105.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
106.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

107.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói các sản phẩm về dược, dán nhãn rượu	8292
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa liên quan đến ngành nghề kinh doanh của công ty	8299
109.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
110.	Đào tạo sơ cấp	8531
111.	Đào tạo trung cấp	8532
112.	Đào tạo cao đẳng	8533
113.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	8610
114.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa	8620
115.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
116.	Xuất bản phần mềm	5820
117.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
118.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
119.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
120.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
121.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559(Chính)
122.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
123.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

124.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
125.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ TIẾN	Khu Bến Phường, Xã Văn Khúc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	132073251	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		

2	LÊ XUÂN HỒNG	Khu Bến Phường, Xã Văn Khúc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	70,000	131580838	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	70,000		
3	NGUYỄN HỮU ĐỨC	Thôn Nam Hòa, Xã Xuân Tân, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	163437921	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ XUÂN HỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131580838

Ngày cấp: 21/04/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Bến Phờng, Xã Văn Khúc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Bến Phờng, Xã Văn Khúc, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội